

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành quy định đào tạo trình độ tiến sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó bãi bỏ một số điều của Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009. Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Sau Đại học Trường Đại học Tây Nguyên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ Trường Đại học Tây Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Phòng đào tạo Sau đại học, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Lưu HCTH.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Tấn Vui**  
( đã ký)

*Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2014*

## **QUY ĐỊNH**

### **Đào tạo trình độ tiến sĩ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2015/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

---

Quy định này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức, quản lý quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Tây Nguyên. Quy định này cụ thể hóa các nội dung của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Tây nguyên quy định về đơn vị đào tạo, chương trình và tổ chức đào tạo, luận án và bảo vệ luận án, thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ, khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

#### **Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

#### **Điều 3. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo đối với người có bằng Thạc sĩ 3 năm (36 tháng); đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm (36 tháng) tập trung liên tục.

2. Thời gian đào tạo được tính từ khi nghiên cứu sinh (NCS) trúng tuyển theo quyết định công nhận của Hiệu trưởng cho đến khi NCS hoàn tất việc bảo vệ luận án tại Hội đồng cấp trường. Thời gian tối đa để NCS phải hoàn tất việc bảo vệ luận án là 07 năm (84 tháng).

3. NCS căn cứ theo các quy định và yêu cầu về nội dung của luận án tiến sĩ xây dựng tiến độ và thời gian thực hiện luận án cho phù hợp với quy định về thời gian.

4. Trường hợp NCS không theo học tập trung liên tục được thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại trường để thực hiện đề tài nghiên cứu.

## **Chương II**

### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ YÊU CẦU CỦA CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN**

#### **Điều 4. Phòng đào tạo Sau đại học**

Phòng đào tạo Sau đại học (ĐTSDH) là đơn vị chức năng của Nhà trường chịu trách nhiệm quản lý công tác đào tạo trình độ tiến sĩ, Phòng ĐTSDH có các chức năng và nhiệm vụ sau đây:

1. Lập kế hoạch và tổ chức xét tuyển NCS, đề xuất thành lập tiểu ban chuyên môn, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh. Lập hồ sơ, báo cáo kết quả xét tuyển NCS trình Hiệu trưởng ra quyết định tuyển chọn.

2. Phối hợp với các Khoa chuyên ngành xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp trường trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS đó.

3. Phối hợp với các Khoa chuyên ngành tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu.

4. Quy định lịch làm việc của NCS; lịch của khoa chuyên ngành nghe NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

5. Phối hợp với khoa chuyên ngành đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

6. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

7. Quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của

NCS; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

8. Tiếp nhận và Tổ chức đánh giá luận án của NCS ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

#### **Điều 5. Các khoa chuyên ngành**

Các khoa chuyên ngành đảm nhận vai trò chuyên môn trong công tác đào tạo NCS và phối hợp cùng với Phòng ĐTSĐH quản lý NCS. Khoa chuyên ngành có nhiệm vụ như sau:

1. Tham gia biên soạn chương trình, các học phần trong đào tạo tiến sĩ, giảng dạy, hướng dẫn, phản biện và đánh giá luận án tiến sĩ.

2. Tiếp nhận NCS tham gia các hoạt động học thuật tại khoa chuyên ngành. Phối hợp với Phòng ĐTSĐH giao kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS đó.

3. Xây dựng các định hướng nghiên cứu cho các NCS, cùng với NCS xây dựng các chuyên đề, gắn kết hoạt động nghiên cứu với các sinh hoạt học thuật của khoa chuyên ngành.

4. Tổ chức thực hiện, phối hợp tham gia hoặc bố trí đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ cho NCS thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong chương trình nghiên cứu.

5. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho NCS, ít nhất mỗi tháng một lần, để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; Tổ chức đánh giá và góp ý chuyên môn cho các buổi sinh hoạt của NCS.

6. Phân công NCS tham gia đào tạo và nghiên cứu khoa học; phân công NCS hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

### **Chương III**

#### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CỬA GIẢNG VIÊN, NGƯỜI HƯỚNG DẪN VÀ NGHIÊN CỨU SINH**

##### **Điều 6. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.

2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **Điều 7. Người hướng dẫn NCS**

1. Người hướng dẫn NCS phải có các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong thông báo của Nhà trường về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn NCS giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;
- đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn NCS.
- g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận NCS mới theo quy định dưới đây.

2. Mỗi NCS có không quá hai người cùng hướng dẫn. Căn cứ theo thông báo của trường về danh sách người hướng dẫn, các NCS trúng tuyển chủ động làm việc với người hướng dẫn dự định và đăng ký danh sách người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, cần xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn NCS có thể độc lập hướng dẫn NCS nếu được Hội đồng khoa học Nhà trường chấp thuận.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 NCS được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 NCS; phó giáo sư hoặc tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 NCS ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả NCS đồng hướng dẫn và NCS đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án.

5. Nếu người hướng dẫn khoa học có 2 NCS không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn NCS mới.

### **Điều 8. Nhiệm vụ của người hướng dẫn NCS**

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.

2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho NCS; đề xuất với khoa chuyên ngành đề trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Lập kế hoạch làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả nghiên cứu.

4. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị chuyên môn.

6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

### **Điều 9. Trách nhiệm của NCS**

1. Trong quá trình đào tạo, NCS là thành viên chính thức của Khoa chuyên ngành, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với Khoa chuyên ngành và Phòng ĐTSĐH.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn; viết báo cáo khoa học; viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí do khoa chuyên ngành quy định; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và khoa chuyên ngành theo lịch do khoa quy định, ít nhất 4 lần một năm.

3. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại trường theo sự phân công của khoa chuyên ngành.

4. Vào đầu mỗi năm học, NCS phải nộp cho khoa chuyên ngành báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để khoa chuyên ngành xem xét đánh giá.

5. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

6. NCS có trách nhiệm đóng học phí đầy đủ theo quy định của trường.

## **Chương IV**

### **TUYỂN SINH**

#### **Điều 10. Thời gian và hình thức tuyển sinh**

1. Thời gian tuyển sinh mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, cơ sở đào tạo tổ chức từ một đến hai kỳ tuyển NCS vào tháng 2 và tháng 8 của năm đó.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Thí sinh nộp và trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS.

#### **Điều 11. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển (Danh mục các chuyên ngành phù hợp, ngành gần với từng chuyên ngành đào tạo và những học phần học bổ sung được công bố trong thông báo tuyển sinh hằng năm).

2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

3. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án.

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển NCS, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường Đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1.

**+ Đối với tiếng Anh**

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
<b>B1</b>	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40

*(Theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**+ Đối với ngoại ngữ khác**

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
<b>B1</b>	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

*(Theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

5. Đối với những chuyên ngành có yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, Hiệu trưởng qui định về thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển ( *nêu rõ trong thông báo tuyển sinh*).



6. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

7. Có đề cương về đề tài nghiên cứu (*Nội dung yêu cầu và cách thức trình bày của đề cương nghiên cứu được trình bày ở phụ lục 1.c*) và cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo.

### **Điều 12. Thông báo tuyển sinh**

1. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường sẽ ra thông báo tuyển sinh.
2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại cơ sở đào tạo và gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của trường (<http://www.taynguyenuni.edu.vn>) hoặc trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ: [duatin@moet.edu.vn](mailto:duatin@moet.edu.vn)).

### **Điều 13. Quy trình xét tuyển NCS**

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn.
2. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

3. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu và có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một NCS. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này.

4. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn xây dựng thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển**

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng ĐTSĐH gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, chuyên ngành và thời gian đào tạo của NCS. Trong thời hạn không quá 1 tháng, NCS căn cứ góp ý của Tiêu ban chuyên môn xét tuyển và Người hướng dẫn sẽ đăng ký chính thức đề tài nghiên cứu và người hướng dẫn (*theo mẫu 2a*). Phòng ĐTSĐH trình Hiệu trưởng quyết định giao đề tài luận án và công nhận người hướng dẫn.

3. Trong vòng tối đa 02 tháng từ khi có quyết định giao đề tài và công nhận người hướng dẫn. Căn cứ theo kế hoạch làm việc chung được Phòng ĐTSĐH xây dựng cho từng khóa đào tạo, NCS cùng người hướng dẫn xây dựng kế hoạch nghiên cứu và đăng ký với Nhà trường, kế hoạch này sẽ được Hiệu trưởng phê duyệt làm căn cứ thực hiện trong suốt quá trình nghiên cứu (*Mẫu kế hoạch thực hiện theo phụ lục 2b*).

### **Chương V**

#### **CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

##### **Điều 15. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

## **Điều 16. Các học phần bổ sung**

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng tối thiểu 30 tín chỉ, trong đó bao gồm môn Triết học 2 tín chỉ.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần hoặc đúng chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ nhưng tốt nghiệp trên 10 năm thì phải bổ sung thêm một số học phần được quy định tại phụ lục 3a.

3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo khác với Trường Đại học Tây Nguyên, tùy theo thực tế, Khoa chuyên ngành và Người hướng dẫn sẽ trình Hội đồng Khoa học trường và Hiệu trưởng quyết định các học phần bổ sung.

## **Điều 17. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

1. **Các học phần ở trình độ tiến sĩ** giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học. Mỗi NCS phải hoàn tất từ 3 đến 5 học phần với thời lượng từ 8 đến 12 tín chỉ (*Danh mục các học phần trình độ tiến sĩ được quy định tại phụ lục 3b*).

2. **Các chuyên đề tiến sĩ** đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ. Mỗi chuyên đề có khối lượng là 2 tín chỉ.

3. **Bài tiểu luận tổng quan** về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

## **Điều 18. Nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận

án tiến sĩ. Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học không phải là kết quả của quá trình NCS mà chỉ là hỗ trợ cho kết quả nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

2. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà Khoa, người hướng dẫn cùng NCS sẽ đề xuất các đề tài nghiên cứu. Nhà trường tùy theo tình hình cụ thể sẽ quyết định cho phép nghiên cứu, hỗ trợ kinh phí và cơ sở vật chất; Các khoa sẽ hỗ trợ đội ngũ để NCS tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. NCS phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ theo kế hoạch được đề xuất giữa NCS, người hướng dẫn và khoa chuyên ngành.

### **Điều 19. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ**

1. Căn cứ trình độ và văn bằng của từng NCS, người hướng dẫn và Hội đồng Khoa học chuyên ngành trường sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng ĐTSDH xây dựng kế hoạch học tập và thông báo cho NCS thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Nhà trường hoặc cơ sở đào tạo khác do Nhà trường gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ Nhà trường sẽ tổ chức các lớp dành riêng cho trình độ tiến sĩ.

3. Trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, NCS phải hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu trong thời hạn này, vì lý do chính đáng, không thể hoàn thành nội dung phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, NCS có thể nộp đơn xin gia hạn thời gian học tập. Thời gian gia hạn không quá 06 tháng và phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng và người hướng dẫn. Nếu quá thời hạn trên, NCS không hoàn thành chương trình của phần 1 và phần 2 sẽ bị xóa tên, các kết quả học tập trong 2 năm đầu sẽ bị hủy bỏ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

5. Đối với các học phần lý thuyết, nội dung được xây dựng chủ yếu là lý thuyết nâng cao và tăng cường thời gian thực hành và tự học, việc đánh giá học phần lý thuyết do các giảng viên hoặc người hướng dẫn đảm nhiệm.

## 6. Đối với các chuyên đề tiến sĩ:

a) Người hướng dẫn và Khoa xác định các chuyên đề phù hợp cho mỗi NCS. NCS tự thực hiện các chuyên đề dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn, không tổ chức giảng dạy các chuyên đề. Hướng dẫn nội dung và hình thức của chuyên đề theo phụ lục 4a. Các chuyên đề phải được nộp về Phòng ĐTSĐH chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức đánh giá.

b) NCS có thể chọn một trong 2 hình thức sau đây:

- Hình thức 1: Báo cáo một nội dung nghiên cứu trong luận án (tạm gọi là đề tài nhánh) hoặc nghiên cứu riêng của NCS có liên quan đến luận án. Nội dung chuyên đề phải chưa được báo cáo trong các hội nghị khoa học hay xuất bản.

- Hình thức 2: Báo cáo tổng hợp về các quan điểm, kết quả nghiên cứu từ các tài liệu có liên quan đến một nội dung chuyên môn trong luận án. NCS cần trình bày ý kiến thảo luận của mình và có kết luận, đề nghị.

c) Việc đánh giá và chấm điểm các chuyên đề được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Tiểu ban chấm chuyên đề, các thành viên tiểu ban và những người tham dự đặt câu hỏi, thảo luận ... như trong một buổi sinh hoạt khoa học của Khoa chuyên ngành. Tiểu ban chấm chuyên đề do Hiệu trưởng quyết định thành lập gồm 3 hoặc 5 người là những chuyên gia có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư; am hiểu sâu sắc các vấn đề được đề cập trong từng chuyên đề, có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn. Tiểu ban gồm một người hướng dẫn NCS, một thành viên của Khoa chuyên ngành và một thành viên ngoài cơ sở đào tạo. Điểm đánh giá theo thang điểm 10.

## 7. Tiểu luận tổng quan:

a) Nội dung tiểu luận tổng quan do NCS tự thực hiện dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn. Hướng dẫn nội dung và hình thức của tiểu luận tổng quan theo phụ lục 4b. Tiểu luận tổng quan phải được nộp về Phòng ĐTSĐH chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức đánh giá.

b) Việc đánh giá tiểu luận tổng quan do người hướng dẫn và 2 thành viên có học vị tiến sĩ trở lên thuộc chuyên ngành chấm độc lập. Điểm của tiểu luận tổng quan là điểm trung bình của 3 thành viên, theo thang điểm 10. Danh sách thành viên chấm do khoa đề xuất và Hiệu trưởng ra quyết định.

## 8. Trình tự buổi chấm chuyên đề như sau:

- Trưởng tiểu ban đọc quyết định thành lập tiểu ban.
- NCS trình bày chuyên đề trong thời gian tối đa 20 - 30 phút.
- Tiểu ban và những người tham dự hỏi, trao đổi thảo luận cùng NCS.

- Căn cứ vào chất lượng báo cáo của NCS, sự thể hiện trình độ, kiến thức của NCS qua trình bày và trao đổi thảo luận tại buổi sinh hoạt khoa học, Tiểu ban đánh giá và cho điểm. Điểm đánh giá theo thang điểm 10. Mỗi thành viên có phiếu cho điểm riêng, sau đó chia trung bình lấy điểm chuyên đề của NCS. Kết quả đánh giá được lập thành biên bản và nộp cho Phòng ĐTSĐH để làm căn cứ cấp bằng điểm cho NCS.

9. NCS có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu sẽ được thực hiện lại nếu còn trong thời hạn cho phép. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng.

#### **Điều 20. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án**

Trước khi bảo vệ luận án, NCS phải có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây:

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham chiếu Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước được đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2.

2. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

3. Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

#### **Điều 21. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo được quy định tại Điều 3 của quy định này. Thay đổi nội dung đề tài sau khi có quyết định giao đề tài thì Hội đồng xét thay đổi tên đề tài phải xem xét việc thực hiện lại các chuyên đề, tiểu luận tổng quan và phải được Hội đồng bảo vệ đề cương thông qua nếu nội dung có thay đổi so với đề tài ban đầu.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án.

3. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển trường với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, NCS phải có đơn xin và được Hiệu trưởng đồng ý.

4. NCS từ nơi khác chuyển đến phải có đơn xin và có ý kiến chấp thuận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi sẽ được tiếp nhận khi có quyết định của Hiệu trưởng. Hội đồng khoa học chuyên ngành trường có trách nhiệm quyết định các học phần hoặc các chuyên đề tiến sĩ mà NCS đó cần bổ sung (nếu có).

5. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn theo quyết định của Nhà trường luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

6. Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của người hướng dẫn và đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Nhà trường. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Đối với NCS không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại trường để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

7. Khi NCS hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện ở kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, NCS có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS, đề nghị của người hướng dẫn và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa chuyên ngành.

8. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo.

9. Sau khi hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có), nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn và Hiệu trưởng đồng ý.

Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

## **Chương VI**

### **LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

#### **Điều 22. Luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng tùy thuộc vào từng ngành và không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

đ) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

g) Phụ lục (nếu có).

### **Điều 23. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tại Điều 21 của Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

2. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

3. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với trường các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

4. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

5. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo



thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

6. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích NCS đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

7. Về hình thức, luận án phải được trình bày mạch lạc, rõ ràng, sạch sẽ (theo đúng hướng dẫn tại phụ lục 4c). Luận án phải được đóng bìa cứng. Tuyệt đối không được tẩy, xoá, sửa chữa trong luận án.

#### **Điều 24. Đánh giá và bảo vệ luận án**

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

- a) Cấp cơ sở (cấp khoa);
- b) Cấp trường.

2. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án:

- a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập trong thời gian quy định;
- b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ theo Thông tư 10/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009, thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các yêu cầu của quy định này;
- c) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án;
- d) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

#### **Điều 25. Đánh giá luận án cấp cơ sở**

1. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy định này, Phòng ĐTSDH đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 07 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của Khoa Chuyên ngành, được tổ chức để các thành viên khoa chuyên ngành và những người quan tâm có thể tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc trường không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS

8. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở sẽ đánh giá luận án theo 03 mức: tán thành; tán thành nhưng phải chỉnh sửa; không tán thành.

a) Nếu luận án được tán thành, trong thời hạn tối đa 03 tháng, NCS phải nộp luận án để tiến hành các thủ tục bảo vệ cấp trường;

b) Nếu luận án được tán thành nhưng cần chỉnh sửa, trong thời hạn tối đa 03 tháng, NCS phải nộp luận án đính kèm Bản thuyết minh chỉnh sửa luận án, có ý kiến của người hướng dẫn, Khoa chuyên ngành và xác nhận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

c) Nếu luận án không được tán thành, NCS phải làm đơn xin bảo vệ lại luận án cấp cơ sở trong thời gian tối thiểu là 3 tháng và tối đa là 6 tháng. NCS được bảo vệ lại luận án cấp cơ sở tối đa là 02 lần nếu còn đủ thời hạn cho phép.

9. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Đại diện Phòng ĐTSDH tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

b) Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở;

c) NCS trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút, không đọc theo tóm tắt luận án hoặc theo văn bản đã chuẩn bị.

d) Hai người phản biện luận án đọc nhận xét.

e) Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.

f) NCS trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi.

h) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Từng thành viên hội đồng ghi ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét và phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành để luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường. Nếu từ 3/4 trở lên số thành viên có mặt tán thành thì luận án đạt yêu cầu. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng.

i) Chủ tịch hội đồng công bố kết luận của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng cần khẳng định:

+ Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ hay không.

+ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

+ Những kết quả mới đã đạt được.

+ Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa.

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ về cả nội dung và hình thức theo quy định

+ Kết luận: đề nghị Hiệu trưởng cho phép NCS bảo vệ luận án cấp trường hay chưa.

j) Nếu luận án đạt yêu cầu thì Hội đồng cho phép in tóm tắt luận án, thông qua danh sách những cơ quan và cá nhân để gửi tóm tắt luận án (ít nhất 50 địa chỉ).

k) Hoàn thành biên bản cuộc họp đánh giá luận án (theo mẫu phụ lục 6)

## **Điều 26. Hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường**

Trong thời gian không quá 3 tháng kể từ khi luận án được thông qua ở cấp cơ sở, căn cứ vào kết quả đánh giá luận án và kết luận của Hội đồng, NCS phải hoàn thành việc sửa chữa luận án và Phòng ĐTSĐH phải hoàn chỉnh hồ sơ trình Hiệu trưởng xem xét việc bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường cho NCS.

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, Khoa chuyên ngành lập hồ sơ trình Hiệu trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của NCS:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và Trưởng khoa chuyên ngành;

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án;

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);

e) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của NCS;

g) Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;

i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);

k) Luận án và tóm tắt luận án;

l) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của NCS.

m) Các phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng cơ sở.

## **Điều 27. Phản biện độc lập**

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học ngoài trường, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có

phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Phản biện độc lập phải có học vị tiến sĩ trở lên và am hiểu các vấn đề nghiên cứu của luận án.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Các Khoa chuyên ngành, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng cơ sở đào tạo gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại với điều kiện không quá thời hạn cho phép của luận án (7 năm). Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Thời gian xử lý hồ sơ và xin ý kiến phản biện độc lập không ít hơn 8 tuần và không quá 16 tuần kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được hồ sơ.

Khi luận án được Hiệu trưởng chấp thuận cho bảo vệ, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được sao gửi cho NCS nghiên cứu, tiếp thu sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình. Trong thời gian không quá một tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, NCS phải hoàn chỉnh luận án gửi một bản đóng bìa cứng, ba bản tóm tắt và bản giải trình của NCS về Phòng ĐTSĐH để thành lập Hội đồng chấm luận án cấp trường.

### **Điều 28. Đánh giá luận án cấp trường**

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham

gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 4 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tròn ba năm. Số thành viên thuộc trường không quá ba người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng.

a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Chủ tịch Hội đồng phải là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi bảo vệ luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ;

b) Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng Khoa chuyên ngành với NCS. Trong ba người phản biện ít nhất phải có 02 phản biện có học hàm Phó giáo sư trở lên và tối thiểu 02 phản biện là người ngoài trường.

c) Thư ký hội đồng là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án, hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS

d) Các ủy viên hội đồng phải đọc và có bản nhận xét luận án của NCS và gửi về Phòng ĐTSĐH trước ngày bảo vệ 15 ngày.

3. Người hướng dẫn NCS; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

### **Điều 29. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

2. Các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của NCS đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của trường hoặc trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Trường và của các khoa chuyên ngành, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ;

b) Toàn văn luận án (tiếng Việt), tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của trường hoặc trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày;

c) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng quyết định và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện trường ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Có ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học, tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng phê duyệt gửi tóm tắt.

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến cơ sở đào tạo 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;

e) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án. Bản nhận xét luận án của các phản biện và thành viên Hội đồng phải đáp ứng các yêu cầu (theo mẫu của phụ lục 6b). Nhận xét không cần nêu lại kết cấu và nội dung các chương của luận án, không trình bày theo thứ tự chương mục của luận án mà cần trình bày theo các vấn đề hay kết quả mới mà luận án đạt được.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án.

4. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định); các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

5. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 9 Điều 21 và Khoản 2 Điều 24 của Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu.

## 6. Hồ sơ chuẩn bị cho buổi bảo vệ

Để tiến hành bảo vệ luận án cấp trường,

a) Phòng ĐTSĐH cần chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ yêu cầu đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường và mẫu biên bản kiểm phiếu (phụ lục 6c) và các phiếu đánh giá đã điền đầy đủ các chỗ trống

b) Thư ký Hội đồng cần chuẩn bị đầy đủ các văn bản sau:

+ Bản tổng hợp các nhận xét luận án của các thành viên (không là phản biện) của Hội đồng chấm luận án cấp trường và các nhận xét tóm tắt luận án của các cơ quan và các nhà khoa học gửi đến Hội đồng.

+ Dự thảo quyết nghị của Hội đồng theo yêu cầu nêu tại mục 3 Điều 29 của Quy định này.

### **Điều 30. Tổ chức bảo vệ luận án**

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;



h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

4. Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Thư viện trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

6. Buổi bảo vệ luận án cấp trường được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Phòng ĐTSĐH tuyên bố lý do, đọc quyết định của Hiệu trưởng và đề nghị Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc.

c) Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án

d) Các thành viên hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS.

e) NCS trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút. Không được đọc bản tóm tắt luận án hoặc văn bản chuẩn bị trước.

f) Các phản biện đọc nhận xét.

g) Thư ký hội đồng đọc bản tổng hợp các nhận xét khác.

h) Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ nghiên cứu khoa học của NCS.

I) Tác giả luận án trả lời các câu hỏi nêu ra.

j) Hội đồng họp riêng để bầu ban kiểm phiếu (gồm ba người: một trưởng ban và hai ủy viên; Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu), bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng.

k) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

l) Chủ tịch hội đồng đọc quyết nghị của Hội đồng.

m) Các đại biểu và NCS phát biểu ý kiến.

n) Chủ tịch hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

### **Điều 31. Bảo vệ lại luận án**

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung thành viên khác thay thế.
3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.
4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.
5. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết thủ tục và trình tự tổ chức cho NCS bảo vệ lại luận án.

## **Chương VII**

### **THẨM ĐỊNH HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 32. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, Trường Đại học Tây Nguyên sẽ gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của NCS của Trường trong 2 tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của từng NCS.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xác định hồ sơ cần thẩm định và tiến hành thẩm định theo quy định tại điều 40 của Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường sẽ lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho NCS khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009;

c) NCS không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định;

d) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).

#### **Điều 33. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ**

1. Khi đến thời hạn xét cấp bằng tiến sĩ, NCS thuộc diện được cấp bằng phải nộp cho Thư viện của trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án và một bản tóm tắt luận án (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa mềm hoặc đĩa CD).

2. Hồ sơ nộp thư viện Quốc gia Việt Nam theo Khoản 2 Điều 43 tại Thông tư số 10/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 34. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại Thông tư số 10/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hiệu trưởng sẽ quyết định việc tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách NCS được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

### **Chương VIII**

#### **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

##### **Điều 35. Khiếu nại, tố cáo**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

##### **Điều 36. Thanh tra, kiểm tra**

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ của Hiệu trưởng; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhà trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho trường.

##### **Điều 37. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

### **Điều 38. Các quy định về nghĩa vụ tài chính**

1. NCS phải làm thủ tục nhập học và đóng học phí theo quy định của Trường.

2. Các trường hợp NCS đề nghị thành lập các Hội đồng đánh giá hướng nghiên cứu mới; Hội đồng bảo vệ đề cương; Hội đồng chấm lại chuyên đề hay tiểu luận tổng quan; Hội đồng xét thay đổi tên đề tài (Khoản 1, Điều 21), tên chuyên đề, tên tiểu luận tổng quan NCS phải chịu mọi chi phí tổ chức.

3. NCS tham gia học lại các học phần trong chương trình đào tạo phải chi trả học phí học lại theo quy định về học phí của Trường.

Khi hết thời gian đào tạo theo Điều 3, NCS xin gia hạn phải đóng học phí trong thời gian được gia hạn.

## **Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 39. Tổ chức thực hiện**

1. Ngoài những quy định cụ thể nêu trên, các điều khoản khác liên quan đến quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra được thực hiện theo các Quy chế trong các văn bản pháp quy hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho đào tạo tiến sĩ.

2. Quy định này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014 trở đi.

3. Các Phòng, Ban, Khoa tùy theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy định.

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS. Nguyễn Tấn Vui**

